

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/DS-PT

Ngày: 29-01-2026

V/v “*Tranh chấp dân sự về hợp
đồng bảo lãnh*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/01/2026 và ngày 29/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 651/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng bảo lãnh*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2025/DS-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp) bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 711/2025/QĐ-PT ngày 10/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 - Đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh Vật tư nông nghiệp S1;

1.2. Bà Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Huỳnh N: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khóm E, xã T, tỉnh Đồng Tháp), theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/12/2023 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1962 (có mặt);

2.2. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1960;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị S: Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1962 (có mặt); Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp), theo Giấy ủy quyền ngày 20/01/2026.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn N1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật của H kinh doanh Vật tư nông nghiệp Sang Đ1 và bà Lê Thị Huỳnh N ủy quyền cho ông Nguyễn Phước T đại diện trình bày: Vào năm 2014, anh Huỳnh Ngọc H1 có đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (VTNN) Sang Đạt của vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Huỳnh N mua thiếu VTNN nhiều lần để phục vụ sản xuất, khi mua không làm hợp đồng chỉ thỏa thuận miệng. Đến ngày 31/5/2014 do mua thiếu đã nhiều lần mà chưa trả, nên ông Huỳnh Văn N1 là cha của anh Huỳnh Ngọc H1 có ký giấy nhận nợ cho vợ chồng nguyên đơn, ông N1 viết bảo lãnh trả nợ thay cho anh H1.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L - Hộ kinh doanh S1 và bà Lê Thị Huỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn N1 và bà Phạm Thị S cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền bảo lãnh do anh Huỳnh Ngọc H1 mua VTNN còn thiếu là 385.897.000 đồng; trong đó, số tiền gốc là 319.135.000 đồng và tiền lãi là 66.762.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn N1 trình bày: Ông N1 là cha ruột của anh Huỳnh Ngọc H1, trước đây vào năm 2014 ông có nhờ anh H1 đến Cửa hàng VTNN Sang Đạt của vợ chồng ông L và bà N để mua VTNN nhiều lần nhằm phục vụ cho việc kinh doanh của gia đình. Ông N1 thừa nhận có ký tên trên Giấy nhận nợ ngày 31/5/2014 và thống nhất có trách nhiệm lo trả thay cho anh H1, đến nay anh H1 đã xuất khẩu lao động sang N. Tuy nhiên, đối với số nợ của anh H1 thì ông N1 đã trả cho bà Lê Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn Đ (là con của ông L, bà N) tổng số tiền là 120.000.000 đồng, ngoài ra sau khi ông N1 cộng lại hai sổ mua hàng của anh H1 với H kinh doanh Sang Đ1 thì thấy có trùng số tiền 196.691.000 đồng, nên ông không đồng ý trả nữa. Như vậy, anh H1 chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 2.444.000 đồng. Cho nên ông N1 chỉ thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền 2.444.000 đồng, ngoài ra không thống nhất với số tiền nợ mà nguyên đơn yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Phạm Thị S: Bà S không có văn bản ý kiến cung cấp cho Tòa án.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ trình bày:** Anh không có nhận số tiền 20.000.000 đồng mà ông N1 trả nợ cho anh H1 như lời trình bày của ông N1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2025/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nay là Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của H kinh doanh Sang Đ1 và bà Lê Thị Huỳnh N về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng bảo lãnh” với ông Huỳnh Văn N1.

Buộc ông Huỳnh Văn N1 trả cho H kinh doanh Sang Đ1 và bà Lê Thị Huỳnh N số tiền 385.897.000đ (ba trăm tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn N1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi (63 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Hộ kinh doanh Sang Đ1 và bà Lê Thị Huỳnh Như K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại H kinh doanh Sang Đ1 và bà Lê Thị Huỳnh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.666.000 đồng theo biên lai thu số 0005947 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Huỳnh Văn N1 nộp đơn kháng cáo đề ngày 04/7/2025 yêu cầu Tòa án phúc thẩm được đối chất với ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Huỳnh N, yêu cầu ông L, bà N mang theo sổ sách, giấy tờ mà anh Huỳnh Ngọc H1 đã ký với ông L, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Huỳnh Văn N1 trình bày: Ông thừa nhận có ký tên trên Giấy nhận nợ ngày 31/5/2014 và thống nhất có trách nhiệm lo trả thay cho anh H1 do hiện nay anh H1 đã xuất khẩu lao động sang N. Tuy nhiên, số tiền nợ mua VTNN gốc là 319.135.000 đồng, ông đã trả cho bà N và anh Nguyễn Văn Đ (con bà N và ông L) 120.000.000 đồng, đối với số tiền 196.691.000 đồng là ghi trùng giữa hai sổ tay khách hàng (Sổ mua hàng) của Cửa hàng VTNN Sang Đạt nên trừ ra, còn số tiền lãi thì ông xin miễn không trả, theo đó ông N1 chỉ còn nợ

lại số tiền 2.444.000 đồng, nên chỉ thống nhất trả cho ông L và bà N số tiền này. Vì vậy, ông N1 yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N1 sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông N1 chỉ có nghĩa vụ trả cho ông L và bà N số tiền còn nợ lại là 2.444.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu được đổi chất với ông L, bà N để làm rõ số tiền ông N1 còn nợ.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L - Hộ kinh doanh S1 và bà Lê Thị Huỳnh N ủy quyền cho ông Nguyễn Phước T đại diện trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn N1 như nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn N1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn N1; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2025/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp).

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 197/PB-VKS-DS ngày 29/01/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Nông (nay là Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp) thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng bảo lãnh*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Huỳnh Văn N1 không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông N1 kháng cáo vào ngày 04/7/2025 gửi qua đường bưu chính đến Tòa án nhận ngày 08/7/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là Hộ kinh doanh VTNN Sang Đạt, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn L là chưa phù hợp, nên cần điều chỉnh cho đúng tư cách nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L người đại diện theo pháp luật của H kinh doanh VTNN Sang Đạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L đại diện hợp pháp của Hộ kinh doanh S1 (còn viết tắt là Cửa hàng V Đạt hay H kinh doanh Sang Đ) và bà Lê Thị Huỳnh N (viết tắt là nguyên đơn) cho rằng vào năm 2014, anh Huỳnh Ngọc H1 có đến Cửa hàng VTNN Sang Đạt của vợ chồng ông L và bà N mua thiếu VTNN nhiều lần để về bán lại nhằm đáp ứng việc kinh doanh của gia đình, các bên không làm hợp đồng bằng văn bản chỉ thỏa thuận bằng lời nói (bằng miệng). Đến ngày 31/05/2014 do mua thiếu đã nhiều lần mà chưa trả, nên ông Huỳnh Văn N1 là cha của anh Huỳnh Ngọc H1 có ký Giấy nhận nợ ngày 31/5/2014 cam kết gia đình ông có trách nhiệm bảo lãnh trả nợ thay cho anh H1. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Văn N1 và bà Phạm Thị S cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền bảo lãnh do anh Huỳnh Ngọc H1 mua VTNN còn thiếu là 385.897.000 đồng; trong đó, số tiền gốc là 319.135.000 đồng, tiền lãi là 66.762.000 đồng và không yêu cầu tiếp tục tính lãi. Bị đơn không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, cho rằng ông N1 đã trả cho bà N và anh Nguyễn Văn Đ (con ông L và bà N) tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Sau khi ông N1 cộng lại hai Sổ mua hàng của anh H1 với Cửa hàng V thì thấy có trùng số tiền 196.691.000 đồng, nên ông không đồng ý trả nữa, theo đó anh H1 chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 2.444.000 đồng, vì vậy ông N1 chỉ đồng ý trả số tiền này. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng bảo lãnh giữa các đương sự.

Trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất không có yêu cầu đối với hợp đồng mua bán giữa anh Huỳnh Ngọc H1 với Cửa hàng V, không yêu cầu đưa anh H1 tham gia tố tụng trong vụ án. Ông N1 thừa nhận ông có nhờ anh H1 mua VTNN tại Cửa hàng V để phục vụ cho việc kinh doanh của gia đình ông, vì vậy ông N1 thống nhất chịu trách nhiệm cá nhân bảo lãnh để trả nợ thay cho anh H1 đối với số tiền anh H1 đã mua thiếu Cửa hàng VTNN Sang Đạt. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Huỳnh Ngọc H1 tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Huỳnh Văn N1 trả cho H kinh doanh Sang Đ1 và bà Lê Thị Huỳnh N số tiền 385.897.000 đồng là có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Nguyên đơn cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Huỳnh Văn N1 có thống nhất cam kết trả nợ thay (bảo lãnh) cho con ông là anh Huỳnh Ngọc H1 số tiền mua VTNN còn thiếu là 385.897.000 đồng; trong đó, số tiền gốc là 319.135.000 đồng, tiền lãi là 66.762.000 đồng được thể hiện theo Giấy nhận nợ ngày 31/5/2014, ông N1 cũng thừa nhận có ký vào giấy nhận nợ này. Việc ông N1 cho rằng ông đã trả cho bà Lê Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn Đ (là con của ông L, bà N) tổng số tiền 120.000.000 đồng, khi trả tiền thì do tin tưởng nên ông N1 không yêu cầu làm biên nhận, việc trả tiền này cũng

không có ai khác biết; sau khi ông cộng lại hai sổ bán hàng của anh H1 với H kinh doanh Sang Đ1 thì thấy có trùng số tiền 196.691.000 đồng, nên ông không đồng ý trả nữa, theo đó anh H1 chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 2.444.000 đồng, tuy nhiên ông N1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở, mặt khác việc này bà N và anh Đ1 không thừa nhận có nhận tiền của ông N1. Vì vậy, lời trình bày này của ông N1 không có căn cứ chấp nhận.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/5/2025, ông N1 yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cho tạm ngừng phiên tòa triệu tập ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Văn Đ để tiến hành đối chất với ông. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa triệu tập ông L, bà N, anh Đ đến phiên tòa để tiến hành đối chất. Tuy nhiên, sau khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án, ông L, bà N có văn bản trình bày ý kiến không đồng ý đối chất với ông N1, vì việc mua bán đã được đối chiếu vào ngày 31/5/2014. Do đó, không tiến hành được việc đối chất theo yêu cầu ông N1. Ông N1 cũng thừa nhận biết việc anh H1 có nợ H kinh doanh Sang Đ1; ông N1 có đọc nội dung Giấy nhận nợ ngày 31/5/2014, ông đã biết anh H1 nợ H kinh doanh Sang Đ1 số tiền nợ gốc, lãi và đồng ý ký tên vào giấy nhận nợ này, vì vậy ông N1 phải chịu trách nhiệm đối với nội dung ông đã ký nhận và có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án đối với trình bày của ông là đúng theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với việc ông N1 yêu cầu Tòa án xem xét, đối chiếu lại sổ mua hàng mà ông cung cấp, vì ông cho rằng hai sổ có trùng số tiền 196.691.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số tiền nợ gốc và lãi. Đối với yêu cầu này của ông N1 thì phía nguyên đơn cho rằng chỉ tiến hành mua bán với anh H1 và hai bên đã đối chiếu số tiền nợ vào ngày 31/5/2014. Hai bên đã thống nhất và yêu cầu ông N1 ký vào giấy nhận nợ ngày 31/5/2014, ngoài ra ông N1 cũng thừa nhận việc mua bán VTNN diễn ra giữa anh H1 với nguyên đơn, ông không tham gia. Nguyên đơn chỉ khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng bảo lãnh giữa nguyên đơn với ông N1, bà S. Cho nên Tòa án sơ thẩm chỉ xem xét, giải quyết hợp đồng bảo lãnh giữa nguyên đơn với ông N1, bà S là phù hợp Điều 5 và Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với hợp đồng mua bán VTNN giữa nguyên đơn với anh Huỳnh Ngọc H1 nếu có tranh chấp sẽ được khởi kiện thành vụ án khác là có cơ sở.

Việc nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị S phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh Văn N1 trả số tiền bảo lãnh cho anh Huỳnh Ngọc H1, do anh H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và hiện nay đã xuất khẩu lao động sang N, xét thấy bà S không có ký cam kết sẽ bảo lãnh phần nợ của anh H1, việc này nguyên đơn cũng không có gì chứng minh. Do đó, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà S cùng có trách nhiệm liên đới với ông N1 trả nợ thay anh H1 là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ kháng cáo ông N1 đã trả nợ cho anh H1 được 120.000.000 đồng và số tiền trùng của hai sổ là

196.691.000 đồng thì trừ ra, theo đó anh H1 chỉ còn nợ lại 2.444.000 đồng và ông đồng ý trả tiếp số tiền này cho nguyên đơn thay anh H1. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông N1 là không đủ căn cứ, đồng thời ông N1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của ông Huỳnh Văn N1 không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông N1 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí, nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn N1;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2025/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp).

Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 188, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 335, 336, 339, 342 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 43, Điều 44 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh S1 và bà Lê Thị Huỳnh N về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng bảo lãnh” với ông Huỳnh Văn N1.

Buộc ông Huỳnh Văn N1 trả cho ông Nguyễn Văn L người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh S1 và bà Lê Thị Huỳnh N số tiền 385.897.000đ (ba trăm tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn N1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi (63 tuổi) thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn L người đại diện theo pháp luật của H kinh doanh VTNN Sang Đạt và bà Lê Thị Huỳnh Như K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông L và bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.666.000 đồng, theo biên lai thu số 0005947 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực M - Đồng Tháp).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Văn N1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GDKTTT&THA TAND Tỉnh;
- TAND khu vực M;
- Phòng THADS khu vực M;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Diễn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi